

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-PT

Ngày: 15/5/2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 05 và ngày 15 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLPT-DS ngày 17/02/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 445/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐ-PT ngày 08/04/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đăng H, huyện C, tỉnh T theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2019.

***Bi đơn: Chị Trần Thị D**, sinh năm 1974;

Anh **Trần Quốc V**, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của chị D, anh V: Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1960 (có mặt). Địa chỉ: số 5, đường N, phường 1, thành phố M, tỉnh T theo giấy ủy quyền ngày 04/9/2019.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Hữu L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

*Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của chị D, anh V: Ông Lê Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị Huỳnh N là đại diện theo ủy quyền của anh P trình bày:

Từ năm 2015 – 2017 anh P có bán thức ăn chăn nuôi cho chị D và anh V. Trước đây anh P có bán thức ăn cho anh Trần Hữu L là em của chị D, sau đó anh L giới thiệu chị D mua thức ăn chăn nuôi của anh P nên anh P đồng ý bán cho chị D. Khi mua thì anh L đến đặt hàng và yêu cầu anh P chở thức ăn đến giao trực tiếp cho chị D là người nhận hàng. Anh P có lập sổ sách theo dõi. Hình thức mua bán là có khi trả tiền mặt có khi thì ghi sổ nợ. Trong quá trình mua bán thì anh V là chồng chị D có đến trả tiền nợ vì hai vợ chồng cùng chăn nuôi chung. Tuy nhiên anh V và chị D không trả dứt điểm tiền nợ thức ăn chăn nuôi cho anh P. Đến ngày 20/01/2017 tổng kết nợ thì anh V và chị D nợ anh P số tiền là 355.928.000 đồng. Anh P đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh V và chị D không trả nợ.

Nay anh P yêu cầu chị D và anh V trả cho anh P số tiền nợ là 355.928.000 đồng.

***Bị đơn chị Trần Thị D, anh Trần Quốc V và ông Lê Thành Đ là đại diện theo ủy quyền của chị D, anh V trình bày:**

Vào năm 2015 anh V và chị D có chăn nuôi heo, tại thời điểm này anh Trần Hữu L cũng cùng chăn nuôi heo nên anh L có mua thức ăn chăn nuôi của anh P để chia lại cho anh V và chị D. Việc mua bán thức ăn giữa anh L với anh P thì anh V và chị D không biết hai bên thỏa thuận như thế nào, riêng về phần anh V và chị D chia thức ăn từ anh L thì đã trả đủ tiền cho anh L trước khi nhận hàng. Đến khoảng tháng 9/2016 đến nay thì anh V và chị D không còn lấy thức ăn của anh L nữa.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu chị D và anh V trả số tiền nợ 355.928.000 đồng thì chị D và anh V không đồng ý trả vì không có mua thức ăn của anh P.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu L trình bày:**

Anh có chia lại thức ăn chăn nuôi của anh P, sau đó anh giới thiệu với chị D về loại thức ăn chăn nuôi mua của anh P. Thông qua anh L, chị D có nhận thức ăn của anh P, thông qua anh, chị D nhận thức ăn của anh P, anh L là người đặt

hàng dùm cho chị D, anh P giao hàng trực tiếp xuống cho chị D nhận hàng. Tiền mua hàng thì chị D đưa cho anh và anh có trả cho anh P.

* Bản án sơ thẩm số: 445/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T căn cứ vào Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc P. Buộc anh Trần Quốc V và chị Trần Thị D liên đới trả cho anh Nguyễn Ngọc P số tiền 355.928.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh P cho đến khi thi hành án xong, anh V và chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 05/12/2019 ông Lê Thành Đ đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 445/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 yêu cầu:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đ.
- Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 27/11/2019 của tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P, yêu cầu ông Trần Quốc V và bà Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 355.928.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Lê Thành Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc P, lý do khởi kiện của anh P là không có cơ sở, không có chứng cứ chứng minh.

Đại diện nguyên đơn không chấp nhận, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo vì bị đơn thừa nhận có nhận thức ăn nhưng không chứng minh được việc trả tiền, qua đó đã chứng minh có giao dịch mua bán, anh L chỉ là người giới thiệu.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh T phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký tòa án và Hội đồng xét xử, từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm nghị án đều tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh về giao dịch mua bán với chị D, anh V viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên vào ngày 27/11/2019 không đồng ý với kết quả trên, ngày 05/12/2019 ông Lê Thành Đ đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 04/9/2019, về phạm vi ủy quyền: ông Đ được quyền thay mặt bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, căn cứ vào quy định của pháp luật kháng cáo của người đại diện bị đơn là đúng quy định hợp lệ nên được xem xét.

[2] về nội dung: Bản án sơ thẩm xử tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 355.928.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc, phía bị đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền, lý do không có nợ đồng thời không có giao dịch mua bán với ông Nguyễn Ngọc P.

Qua lời trình bày của các đương sự cho thấy toàn bộ sự việc xảy ra vào năm 2015 đến đầu năm 2017. Theo anh P, anh có bán thức ăn chăn nuôi cho anh V, chị D. Đến tháng 01/2017 tổng kết nợ bên mua còn thiếu 355.928.000 đồng cơ sở chứng minh của anh P là sổ theo dõi việc mua bán. Bị đơn cho rằng không có giao dịch mua bán trực tiếp với bên bán là anh P. Trong thời điểm đó, em chị D là anh Trần Hữu L có mua thức ăn chăn nuôi của anh P, chị D, anh V chia lại, khi nhận thức ăn chị D đưa tiền cho anh L trả cho anh P. Anh L thừa nhận sự việc trên.

Thực tế kiểm chứng qua lời trình bày của các bên cho thấy: Việc giao kết về hình thức mua bán giữa anh P và anh V, chị D là không có. Thông qua anh L, anh P giao thức ăn chăn nuôi cho chị D, việc giao nhận không có xác nhận của đôi bên, chứng cứ của anh P là cuốn sổ do anh cung cấp. Nội dung trong sổ ghi chép không rõ ràng về thời gian, số lượng và kể cả tên người không được xác nhận thức ăn, đây chỉ là sổ do anh P tự ghi không được xác nhận của bên mua hoặc bên thiếu nợ. Thời gian kết thúc việc mua bán từ đầu năm 2017, quá trình đó cho đến nay anh P cũng không có căn cứ thể hiện hoặc chứng minh việc anh V, chị D thiếu nợ.

Mặc khác, nguyên đơn còn nộp một cuốn sổ bản in, tin nhắn, anh P cho rằng đây cũng là cơ sở thể hiện việc nợ của bị đơn, xem xét các tài liệu trên không thể

xác định tin nhắn là của ai và cũng không có cơ sở cho rằng anh V, chị D thiếu nợ anh P. Riêng người chở thức ăn qua lời trình bày họ chỉ biết không được người nhận hàng ký nhận.

Theo nhận định của án sơ thẩm có cơ sở chứng minh anh V, chị D có nhận thức ăn chăn nuôi từ anh P. Anh V, chị D không chứng minh được việc trả tiền. Do vậy, đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nhận định và quyết định như trên là không có căn cứ. Về thực tế yêu cầu khởi kiện cụ thể là anh P không chứng minh được việc có giao kết mua bán, phương thức trả tiền, giao nhận hàng hóa kể cả không có bất kỳ xác nhận nào của bị đơn qua từng đợt chăn nuôi, quá trình chăn nuôi cho đến khi kết thúc và kể cả thời gian từ đầu năm 2017 đến khi khởi kiện nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì để xác định bị đơn còn nợ. Như vậy, anh P không chứng minh được cho yêu cầu khởi kiện nên không thể buộc bị đơn phải trả tiền, từ cơ sở trên hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

Mặc khác, qua thực tế mua bán, lời trình bày của các bên cho thấy việc giao kết mua bán ban đầu là giữa anh P và anh L, việc đặt hàng cũng từ anh L và anh có nhận tiền từ chị D để trả cho anh P. Như vậy, xác định giao dịch mua bán là giao dịch giao kết của anh P và anh L. Nếu có cơ sở, anh P có quyền khởi kiện yêu cầu đối với anh L.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cho rằng, anh P không phải là người kinh doanh thức ăn gia súc, gia đình anh có nuôi heo, anh quan hệ mua thức ăn trực tiếp từ cơ sở sản xuất. Qua đó anh P nhận mua lại cho người chăn nuôi quen biết, trong đó có anh L. Khi muốn mua thức ăn, người mua căn cứ vào số lượng, giá cả, chủng loại tính ra và giao tiền trước cho anh P, sau đó anh hẹn ngày giao thức ăn. Do vậy, không cần phải ghi chép theo dõi bằng giấy tờ, sổ sách. Đại diện anh P thừa nhận anh là người chăn nuôi thường xuyên mua dự trữ thức ăn tại nhà anh có bán lại cho người quen khi có yêu cầu, qua giới thiệu của anh L, anh P có bán thức ăn chăn nuôi cho chị D, anh V. Thực tế cho thấy anh P không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh cho việc mua bán trên. Anh V, chị D không thừa nhận có mua bán với anh P. Như đã nhận định ở trên, yêu cầu của anh P không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, cần tòa án cấp phúc thẩm, người khởi kiện cũng không thể chứng minh được việc mua bán với bị đơn hay việc bị đơn còn nợ. Do vậy, hội đồng xét xử thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm xác định anh V, chị D có nhận thức ăn gia súc từ anh P là có giao dịch mua bán xảy ra, anh P có sổ theo dõi, chị D, anh V không chứng minh được việc trả tiền, vì vậy phải trả theo khởi kiện của anh Phi. Xét thấy nhận định như trên là phiếm diện, không có cơ sở, án phúc thẩm cần phải điều chỉnh, sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của đại diện bị đơn.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh T là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 445/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc P đòi anh Trần Quốc V, chị Trần Thị D phải liên đới trả cho anh Nguyễn Ngọc P số tiền 355.928.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc P phải chịu số tiền là 17.796.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh P đã tạm nộp số tiền là 8.898.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2885 ngày 12/8/2019 của cơ quan thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên anh Nguyễn Ngọc P còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 8.898.000 đồng.

Anh Trần Quốc V, chị Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn lại cho anh Trần Quốc V, chị Trần Thị D số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003154 ngày 05/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- CC THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trung Hiếu

